

NHẬN THỨC VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA CHÚA NGUYỄN TRONG QUAN HỆ VỚI TRUNG QUỐC, NHẬT BẢN THẾ KỶ XVII-XVIII

Trần Thị Tâm, Mai Văn Được

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: tamkhoasuhue@gmail.com, maividuochusc@gmail.com

Ngày nhận bài: 4/5/2022; ngày hoàn thành phản biện: 24/5/2022; ngày duyệt đăng: 4/8/2022

TÓM TẮT

Từ năm 1558 trở đi, cùng với quá trình xây dựng và củng cố chính quyền tại Đàng Trong, các chúa Nguyễn đã nhận thức mình là một thực thể chính độc lập. Với tầm nhìn hướng biển, Chúa Nguyễn đã tiến hành giao thương với các quốc gia trong và ngoài khu vực theo đường lối riêng nhằm tăng cường, củng cố sức mạnh của chính quyền Đàng Trong. Do vậy, các hoạt động ngoại thương diễn ra hết sức sôi nổi suốt nhiều thế kỷ. Nhiều thương nhân từ các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Bồ Đào Nha, Hà Lan... đến buôn bán, lập thương điếm. Từ đó hình thành nhiều thương cảng quốc tế như Hội An, Thanh Hà, Nước Mặn... Bài viết này sẽ tập trung tìm hiểu về quan hệ giữa Đàng Trong với Trung Quốc và Nhật Bản như là những minh chứng điển hình cho nhận thức và hành động của các chúa Nguyễn.

Từ khóa: Chúa Nguyễn, Đàng Trong, Nhật Bản, Trung Quốc...

Năm 1558, Nguyễn Hoàng vào trấn thủ xứ Thuận Hóa. Từ đây, ông cùng các vị chúa kế nhiệm xây dựng vùng đất phía Nam sông Gianh thành chính quyền sơ khai và dần dần tách ra khỏi ảnh hưởng của chính quyền vua Lê - chúa Trịnh ở Đàng Ngoài. Buổi đầu, chúa Nguyễn Hoàng vẫn duy trì các cơ quan hành chính do triều Lê - Trịnh đặt ra. Đến thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên, ông bỏ chế độ Tam ty của triều Lê - Trịnh (Đô ty, Thừa ty, Hiến ty), lập ra Tam ty mới đó là Xá sai ty, Tướng thần lại ty và Lệnh sử ty. Năm 1638, chúa Nguyễn Phúc Lan đặt các chức Nội tá, Ngoại tá, Nội hữu, Ngoại hữu là 4 chức quan đứng đầu của phủ chúa. Năm 1692, chúa Nguyễn Phúc Chu xưng Đại Việt quốc vương. Đến năm 1744, chúa Nguyễn Phúc Khoát chính thức xưng vương; đúc ấn Quốc vương, tiến hành cải cách hành chính, văn hóa. Lúc này, cơ cấu Lục bộ ra đời và tổ chức bộ máy nhà nước của chúa Nguyễn hoàn chỉnh nhất.

Đi cùng với quá trình xây dựng và củng cố chính quyền nói trên, chúa Nguyễn đã nhận thức mình là một thực thể chính trị riêng, có lãnh thổ, bộ máy điều hành, dân cư, kinh tế, văn hóa riêng. Từ nhận thức đó, chúa Nguyễn có sự độc lập về ngoại giao,

tiến hành giao thương và các hoạt động ngoại giao theo đường lối của mình. Một mặt thể hiện là chính quyền độc lập; mặt khác, chúa Nguyễn thông qua giao thương củng cố sức mạnh chính quyền Đàng Trong. Không những thế, trong tầm nhìn của chúa Nguyễn còn có tính hướng biển. Do vậy, các hoạt động ngoại thương diễn ra hết sức sôi nổi. Nhiều thương nhân từ các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Bồ Đào Nha, Hà Lan... đến buôn bán, lập thương điếm. Từ đó hình thành nhiều thương cảng quốc tế như Hội An, Thanh Hà, Nước Mặn... Trong giai đoạn này, quan hệ ngoại giao giữa Đàng Trong với Trung Quốc và Nhật Bản là những minh chứng điển hình cho nhận thức và hành động của chúa Nguyễn.

1. NHẬN THỨC VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA CHÚA NGUYỄN TRONG QUAN HỆ VỚI TRUNG QUỐC

Mối quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam - Trung Quốc là mối quan hệ truyền thống, có từ lâu đời. Tuy nhiên, trong giai đoạn chúa Nguyễn, đại diện cho mối quan hệ ngoại giao này là chính quyền vua Lê - chúa Trịnh ở Đàng Ngoài với nhà Minh và sau đó là nhà Thanh. Còn chúa Nguyễn ở Đàng Trong là một chính quyền ly khai từ vua Lê - chúa Trịnh nên không được coi là đại diện chính thống theo quan niệm truyền thống quan hệ ngoại giao giữa hai nước. Triều Minh, Thanh chỉ sắc phong và thừa nhận một An Nam quốc vương duy nhất là vua Lê. Chính vì vậy, các hành động của chúa Nguyễn đối với triều Minh, Thanh là khẳng định tính độc lập và tranh thủ sự ủng hộ của “thiên triều”.

Trong giai đoạn đầu, các chúa Nguyễn khuyến khích và tạo điều kiện cho các thương nhân người Hoa đến buôn bán, lập phố buôn ở Đàng Trong. Từ thời chúa Nguyễn Hoàng, người Hoa đến buôn bán tập nập ở Đàng Trong. Khoảng cuối thế kỷ XVI - đầu thế kỷ XVII, thương cảng Hội An ra đời. Năm 1636, chúa Nguyễn Phúc Lan dựng thủ phủ ở Kim Long. Sau đó cho người Hoa lập phố ở Thanh Hà để buôn bán. Họ còn có mặt ở nhiều trung tâm thương mại khác ở Đàng Trong như Nước Mặn, Đông Phố, Mỹ Tho, Hà Tiên, Bãi Xàu... để buôn bán. Có thể nói, người Hoa đóng vai trò chủ chốt trong việc buôn bán ở Đàng Trong suốt nửa sau thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII. Các mặt hàng mà thương nhân người Hoa đem đến bán ở Đàng Trong là thuốc bắc, vải lụa, diêm tiêu, khí giới, chì, đồ sứ, bạc nén, giấy, chè... Họ buôn về Trung Quốc các mặt hàng như hồ tiêu, đường, yến sào, cau, quế, gỗ, sừng tê...

Chúa Nguyễn không chỉ sử dụng người Hoa trong thương mại, phát triển kinh tế mà còn sử dụng họ vào quá trình khai phá vùng đất Nam Bộ. Những người Hoa và cựu thần nhà Minh bất mãn với triều Thanh tìm đến Đàng Trong được chúa Nguyễn tạo điều kiện cho sinh sống, khai phá đất đai, ban chức tước và trở thành bộ phận cư dân Đàng Trong. Năm 1679, Dương Ngạn Địch, Trần Thượng Xuyên và những trọng thần nhà Minh đem hơn 3.000 quân với 50 chiến thuyền xin thần thuộc, tỵ nạn triều

Thanh. Chúa Nguyễn Phúc Tần cho vào khai phá ở vùng Đông Phố (tức Gia Định) và Mỹ Tho. Năm 1708, chúa Nguyễn Phúc Chu tiếp nhận vùng đất Hà Tiên do Mạc Cửu (một người Hoa bất mãn với triều Thanh) dâng lên và đổi làm trấn Hà Tiên.

Điểm nổi bật trong quan hệ giữa Đàng Trong và Trung Quốc là sự kiện năm 1702, chúa Nguyễn Phúc Chu xin được cầu phong nhà Thanh. *Đại Nam thực lục tiền biên* chép: “Sai bọn Hoàng Thần, Hưng Triệt đem quốc thư và cống phẩm (kỳ nam 5 cân 4 lạng, vàng sống 1 cân 13 lạng 5 đồng cân, ngà voi 2 chiếc nặng 350 cân, mây song hoa 50 cây) sang Quảng Đông để cầu phong (Thần và Triệt người Quảng Đông nước Thanh, theo hòa thượng Thạch Liêm đến yết kiến, nhân đó [chúa] sai đi” [9, tr.115]. Nhưng nhà Thanh đã từ chối việc phong vương cho chúa Nguyễn. “Vua Thanh hỏi bày tôi, đều nói rằng “nước Quảng Nam [Đàng Trong] hùng thị một phương, Chiêm Thành, Chân Lạp đều bị thôn tính, sau tất sẽ lớn. Duy nước An Nam còn có nhà Lê ở đó, chưa có thể phong riêng được. Việc [phong] bèn thôi” [9, tr.115]. Có thể thấy, Đàng Trong dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu khá hùng mạnh, là thời điểm thịnh đạt nhất về mọi mặt trong số các thời chúa. Lúc này, chiến tranh với chúa Trịnh ở Đàng Ngoài cũng đã kết thúc. Vì vậy, nhu cầu cần được sự thừa nhận của “thiên triều” để trở thành một quốc gia chính thống theo tư tưởng “thiên triều” - “chư hầu” được đặt ra. Và, nhà Thanh chính là “thiên triều”, có thể hiện thực hóa điều đó. Tuy không được phong làm quốc vương nhưng các chúa Nguyễn cũng tự nhận mình là vương và xưng vương vào năm 1744 dưới thời chúa Nguyễn Phúc Khoát cho thấy tính độc lập của chúa Nguyễn.

Mặc dù không có quan hệ ngoại giao trực tiếp nhưng trong các sự việc có liên quan đến nhà Thanh được chúa Nguyễn xử lý khéo léo, tránh mất lòng nước lớn. Điển hình là sự kiện năm 1747, thương nhân người Thanh là Lý Văn Quang đánh úp dinh Trấn Biên, bị chúa Nguyễn đánh dẹp, nhưng “chúa thấy là người Thanh không giết tội, đều hạ ngục” [9, tr.154]. Đến năm 1756, thuyền của Thiên tổng Mân Chiết (Phúc Kiến và Chiết Giang) Lê Huy Đức bị hạn, được chúa Nguyễn hậu đãi rồi cho về. Nhân tiện chúa gửi Lý Văn Quang và 16 người bị bắt trước đó về Phúc Kiến [9, tr.166]. Chúa Nguyễn cũng tiến hành cứu nạn thuyền trên biển của người Hoa: “Thuyền gặp gió bão bị phá hỏng thì xét xem số khách, cai bạ giao cho hội quán trông giữ, cấp phát tiền nhà nước, lương tháng mỗi người 5 tiền, đợi khi thuận gió thì cho phụ theo các thuyền mà về nước Đường [Trung Quốc]” [1, tr.201].

2. NHẬN THỨC VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA CHÚA NGUYỄN TRONG QUAN HỆ VỚI NHẬT BẢN

Mối quan hệ giữa Đàng Trong với Nhật Bản khá đặc biệt. Nếu như giữa Đàng Trong với Bồ Đào Nha, Hà Lan chỉ đơn thuần là về mặt giao thương chứ không có dấu ấn của chính quyền thì giữa Đàng Trong với Nhật Bản vừa là quan hệ thương mại, trao đổi buôn bán, vừa có dấu ấn của chính quyền. Cả chúa Nguyễn và chính quyền Mạc

phủ Tokugawa đều mong muốn thiết lập quan hệ này. Nhật Bản trong giai đoạn 1592 - 1637 với chính sách Châu ấn thuyền đã có rất nhiều thuyền buôn đến buôn bán Đàng Trong.

Khởi đầu cho mối quan hệ giữa Đàng Trong và Nhật Bản được đánh dấu bằng sự kiện, một nhân vật tên là Hiễn Quý (Shirahama Akitaka) vào năm 1585¹ đã chỉ huy 5 chiếc thuyền lớn đến cửa Việt và diễn ra cuộc giao tranh với thủy quân của chúa Nguyễn, dẫn đến cái chết cho quan Đại đô đường (Đô đường)², các tướng sỹ đem quân báo thù và luôn muốn giết chết Hiễn Quý. Khi biết được tin này, chúa Nguyễn Hoàng tỏ rất bối rối, nhân khi Hiễn Quý trở về nước vào năm 1601, Đàng Trong đã có bức thư gửi cho chính quyền Nhật Bản với những lời lẽ khiêm nhường và mong muốn được "kết thành anh em". Nguyễn Hoàng đã chủ động viết thư xin lỗi và dàn hòa với lời lẽ rất khôn khéo, trọng thị nhằm "bày tỏ tấm lòng, mong được nhận cho" kèm theo tặng phẩm bao gồm: 3 cân 10 lượng kỳ nam, 3 tấm lụa trắng, 10 bình sữa ong chúa, 100 cây gỏi lồi và 5 con chim khổng tước... Cùng với đó, chính quyền Đàng Trong cũng xin trợ giúp từ phía Nhật đồ quân dụng, vũ khí như gươm đao, thuốc súng, đồ đồng... Đáp lại, chính quyền Nhật Bản, với thái độ ôn hòa, nhã nhặn khi cho rằng: "những phương vật mà quý quốc khẩn cầu là những vật thích hợp với đất đai bản quốc, có thể giao cho thương nhân lo liệu"... Và, để tránh không để xảy ra những vấn đề phức tạp như sự việc của Hiễn Quý, phía Nhật nêu rõ "Thương thuyền của quốc gia chúng tôi, khi đến Quý quốc đều mang theo văn thư có áp dấu Châu ấn. Đây là bằng chứng mà chúng tôi công nhận là thương thuyền. Thương thuyền nào không mang thư Châu ấn thì không nên cho thông thương" [3, tr.8]... Như vậy, hai bên đã chính thức đặt quan hệ để cho các đoàn thương thuyền thuận lợi trong giao lưu, buôn bán. Cũng từ đây, những bức thư cấp nhà nước được chính quyền hai bên trao đổi thường xuyên từ năm 1600 - 1635. Theo *Ngoại phiên thông thư*, phần An Nam quốc, tổng số thư của cả Đàng Trong và Đàng Ngoài gửi cho phía Nhật Bản là 56 bức. Còn theo *Cổ đại Nam Nhật thông khảo*, riêng quan hệ giao thương Việt - Nhật từ năm 1601 - 1695 có khoảng 25 bức thư trao đổi giữa hai bên, trong đó có 13 bức trao đổi giữa Nhật Bản với chúa Nguyễn, 3 thư giữa Nhật Bản với triều Lê và 9 thư với chúa Trịnh [6, tr.59]. Tuy vậy, theo nguồn sử

¹ Theo tác giả Nguyễn Quang Trung Tiến trong bài "Những tồn nghi quanh nỗ lực bang giao giữa Nguyễn Hoàng với Nhật Bản cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII", Tạp chí *Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng*, số 47/2013, tr.56-57, sau sự kiện này; vào năm 1599, một nhân vật tên là Shirahama Kenki (chưa rõ là Shirahama Akitaka hay một người khác) tiếp tục đưa người đến cướp ở Việt Nam nhưng bị mắc cạn ở Thuận An nên đã bị quân của chúa Nguyễn bắt sống về giam giữ ở Thuận Hóa.

² Xem bản dịch Thư của Hy Tôn Hiếu Văn Hoàng Đế gửi Đức Xuyên Gia Khang (Tokugawa Ieyasu) ở Nhật Bản năm 1601 của tác giả Phan Thanh Hải (2006) trong bài "Về những văn thư trao đổi giữa chúa Nguyễn và Nhật Bản, thế kỷ XVI-XVII", *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 4 (57), tr.93.

liệu từ phía Nhật Bản, trước đó, vào năm Quang Hưng thứ 14 (1591) chính quyền Đàng Trong đã gửi quốc thư cho chính quyền Nhật Bản và hiện thư này vẫn được lưu trữ tại Bảo tàng Quốc gia Kyushu.

Về phía chúa Nguyễn, sau khi làm chủ được vùng đất Thuận - Quảng từ năm 1570, Nguyễn Hoàng đã bước đầu thực hiện nhiều chính sách tiến bộ với vùng đất mới của mình: chiêu mộ hiền tài, khai khẩn mở mang đất đai và hơn hết là thực hiện đường lối ngoại giao tích cực với các nước lân bang. Thông qua việc tiếp nhận bản tính hướng biển của cư dân Champa, chính quyền Đàng trong đã chủ động trong việc mở rộng kết nối với các nền kinh tế trong khu vực như Trung Quốc, Nhật Bản... Hoàn toàn khác với tinh thần trọng nông vẫn còn đậm nét ở Đàng Ngoài, chính quyền Đàng Trong bên cạnh việc khuyến khích, tạo điều kiện cho nông nghiệp phát triển thì để thể hiện tính độc lập với vua Lê chúa Trịnh, kinh tế thương nghiệp, đặc biệt ngoại thương được coi là căn bản [5, tr.65]. Sở dĩ như vậy, vì chúa Nguyễn nhận thức rõ những bất ổn trong sự thù địch với Đàng Ngoài và ông muốn tìm kiếm những giải pháp có thể nhằm nâng cao khả năng phòng thủ và đối phó với Đàng Ngoài. Chúa Nguyễn coi việc phát triển giao thương buôn bán với bên ngoài không chỉ vì lý do kinh tế, mà còn là cách thức để tăng cường tiềm lực của bản thân. Đúng thời điểm này, kỷ nguyên Châu ấn thuyền ở Nhật Bản như một "cơ hội vàng" cho sự cụ thể hóa của chủ trương ấy.

Nếu trong những thư từ từ năm 1600 - 1604, chủ yếu hai bên bày tỏ mong muốn giao thương tốt đẹp, thì từ năm 1604 trở đi, sau khi đã "kết thân" với Mạc phủ Tokugawa, chúa Nguyễn Hoàng đã chủ động tiến thêm một bước nữa khi đề nghị phía Nhật Bản không cho thương thuyền của họ đến buôn bán với "Thanh Hoa và Nghệ An thuộc Đông Kinh", vì đây là những nơi có thù địch với Đàng Trong nên rất mong muốn "vì mỗi giao tình vốn có với bản chức, nên theo lý cần cấm chỉ các thương thuyền đến những nơi đó"... Chúa Nguyễn không chỉ muốn phía Nhật không thực hiện việc buôn bán với Đàng Ngoài mà còn yêu cầu "quý chức chớ cho chở lưu huỳnh, đồ đồng đến đó" (cho chúa Trịnh). Thông qua việc kết giao, mở rộng buôn bán với Nhật Bản, Đàng trong vừa là để nâng cao tiềm lực, chuẩn bị lực lượng, khả năng đề phòng của bản thân, vừa là để hạn chế sức mạnh kinh tế, binh lực của Đàng Ngoài và sẵn sàng cho một cuộc đối đầu sắp đến.

Như vậy, những đoàn thương thuyền Nhật Bản đã đem lại "cơ hội vàng" cho chính quyền Đàng Trong vào lúc họ cần nhất; do vậy, tư duy thực dụng của chúa Nguyễn đã khôn khéo tận dụng điều này. Với tinh thần như vậy, Nguyễn Hoàng đã nhận một thương nhân đồng thời là "đặc phái viên" đầu tiên của chính quyền Tokugawa đến Đàng Trong tên là Hunamoto Yabeije làm con nuôi vào năm 1604. Tiếp đó, năm 1611 nhân một chiếc thuyền của Nhật Bản gặp nạn tại Siam, Nguyễn Hoàng đã mời họ ở lại và đối xử một cách chân thành. Và khi đoàn rời bến để trở lại Nhật Bản, chúa Nguyễn cũng đã gửi quà và mời gọi sự trở lại vào lần sau.

Đến thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1613 - 1635), Đàng Trong còn tìm mọi cách nhằm thúc đẩy hơn nữa mối quan hệ hòa hiếu với Nhật Bản thông qua con đường "ngoại giao hôn nhân" bằng việc gả con gái là Công nữ Ngọc Hoa³ cho thương nhân Araki Sotaro vào năm 1619 và sau này trở thành hoàng thân ở Đàng Trong. Sự nghiệp của thương nhân Araki có đóng góp lớn trong việc tạo dựng mối quan hệ hữu hảo giữa Nhật Bản với Đàng Trong. Khi sống ở Nhật Bản, bà được gọi là Quận chúa Anio và rất được người bản xứ tin yêu, kính trọng. Sau này, khi bà qua đời họ đã lập đền thờ và hàng năm người Nhật thường tổ chức lễ hội Suwa Myojin để tưởng nhớ bà. Ngay cả khi chiến tranh Trịnh - Nguyễn diễn ra (từ năm 1627), trong các bức thư gửi chính quyền Nhật Bản, Đàng Trong vẫn yêu cầu Nhật Bản giữ quan hệ buôn bán với mình. Do sự chào đón nồng nhiệt của chính quyền chúa Nguyễn nên vào thời kỳ Châu ấn thuyền (số liệu từ năm 1604 - 1634), số lượng thuyền buôn của Nhật Bản đến Đàng Trong đã chiếm tới 32,5% trong tổng số thường thuyền đến buôn bán ở Đông Nam Á [5, tr.70].

Nhật Bản là một thị trường có sức mua lớn và là một quốc gia xuất khẩu đồng, tiền đồng, các loại quân khí chủ yếu đến Đàng Trong. Do vậy, chính quyền Đàng Trong muốn tranh thủ tiếp thu khả năng võ nghệ cũng như tiếp nhận vũ khí của người Nhật để giành ưu thế quân sự với Đàng Ngoài. Do đó, chúa Nguyễn đã dành cho người Nhật rất nhiều ưu đãi như: cho họ định cư ở những vị trí hết sức thuận lợi trong buôn bán ở Hội An và các thương cảng khác. Từ đó hình thành nên các khu phố Nhật (Nihon Machi) là nơi cộng đồng Nhật thương sinh sống và buôn bán. Bên cạnh đó, chúa Nguyễn cũng có những chính sách thuế ưu đãi đối với thương nhân Nhật Bản. Theo Lê Quý Đôn, tàu Nhật đến Đàng Trong chịu thuế nhập là 4000 quan, thuế xuất là 400 quan, trong khi đó các tàu buôn phương Tây: thuế nhập là 8000 quan, thuế xuất là 800 quan. Từ năm 1604 - 1634, Nhật Bản đã cấp dấu Châu ấn tiến hành buôn bán với 18 vùng lãnh thổ, nhưng địa bàn chủ yếu vẫn là Đông Nam Á. Trong việc buôn bán với Đông Nam Á thì Đàng Trong là trung tâm tập nập nhất. Các chuyên gia về thương mại Nhật Bản cho rằng trong khoảng hơn 30 năm (1604 - 1634), Mạc Phủ Edo đã cấp tổng cộng 355 giấy phép cho thuyền buôn Nhật Bản đi ra nước ngoài, theo số liệu ở bảng 1 có 280 thuyền đến Đông Nam Á (chiếm tỉ lệ 78,87%). Theo bảng 1, đã có 91 chiếc đến Đàng Trong (32,5%), số thuyền đến Siam là 56 (20%) và Luzon là 53 (18,92%), đến Campuchia là 44 (15,71%) và đến Đàng Ngoài là 36 chiếc (12,85%). Như vậy, Châu ấn thuyền Nhật Bản đến Việt Nam buôn bán chiếm tới gần một nửa lượng thuyền cập bến Đông Nam Á. Và lượng thuyền cập cảng Đàng Trong chiếm tới hơn 70%, còn Đàng

³ Người được coi là con nuôi (nghĩa nữ) của chúa Nguyễn Phúc Nguyên, được gả cho Araki Sotaro năm 1619, đến năm 1620 bà cùng chồng trở về quê nhà ở Nagasaki trên một Châu ấn thuyền, bà mất năm 1645 và được chôn cất tại Đại Âm tự, ngay trung tâm thành phố Nagasaki.

Ngoài chỉ khoảng gần 30% [8]. Qua đây, có thể khẳng định rằng: Đàng Trong là khu vực buôn bán lớn nhất của Nhật Bản thời kỳ Châu ấn thuyền.

Về quan hệ ngoại giao, xuất phát từ mong muốn tăng cường tiềm lực và thể hiện sự độc lập với Đàng Ngoài, chính quyền chúa Nguyễn đã rất chủ động trong việc thiết lập và duy trì quan hệ hữu hảo với Mạc phủ Tokugawa. Về chính trị, thời kỳ Châu ấn thuyền Nhật Bản ở trong môi trường tương đối thống nhất, còn chế độ phong kiến ở Việt Nam lại đang diễn ra quá trình phân liệt sâu sắc. Tuy nhiên, điều đặc biệt là yếu tố chính trị không hề cản trở đến hoạt động buôn bán của Nhật thương tại Đàng Trong. Điều đó, có nghĩa là, ngay cả khi quan hệ ngoại giao với Nhật Bản chưa được chính thức thiết lập thì hoạt động thương mại của các Châu ấn thuyền vẫn diễn ra. Hoạt động giao thương là cầu nối cho mối quan hệ bang giao giữa hai bên. Và bản thân các thuyền buôn của Nhật Bản khi tới Việt Nam cũng không đặt nặng vấn đề Đàng Trong hay Đàng Ngoài ở khía cạnh chính trị mà đơn thuần là nằm ở góc độ kinh tế. Ngược lại, trong quan hệ giữa Đàng Trong với Nhật Bản, yếu tố chính trị lại chi phối mạnh mẽ. Việc chúa Nguyễn Hoàng luôn chủ động trong quan hệ bang giao với phía Nhật là nhằm củng cố vị thế độc lập của mình so với phần còn lại của Đại Việt. Từ năm 1593 đến năm 1604 trong các bức thư giữa chúa Nguyễn với Nhật Bản chỉ đề cập đến việc thiết lập và duy trì quan hệ hai bên. Đây là giai đoạn chúa Nguyễn đang tập trung xây dựng căn cứ, thực lực cho mình nên vẫn còn giữ hòa hiếu với chúa Trịnh. Nhưng từ năm 1604 trở đi khi thực lực đã có, trong các trao đổi với Nhật thương, chúa Nguyễn bày tỏ rõ quan điểm rằng thương thuyền Nhật không nên giao dịch với Đông Kinh, với đũa "cháu ngoại không theo" của mình. Những bày tỏ này chủ yếu được đề đạt với các thương nhân Nhật Bản chứ hoàn toàn chưa phải là ngoại giao chính thức cấp nhà nước với nhau.

Xuất phát từ tư tưởng "đặt cược sự hưng vong của thể chế vào kinh tế ngoại thương", đã làm cho quá trình buôn bán giữa Đàng Trong và Nhật Bản đạt được nhiều thành tựu chỉ trong một thời gian ngắn, chính tiềm lực kinh tế và những chính sách khai mở hiệu quả đã cho phép chúa Nguyễn xây dựng được lực lượng vũ trang vững mạnh để có thể đương đầu với Đàng Ngoài và tạo thế đứng vững chắc trong buôn bán với các quốc gia lân cận.

Nếu như so sánh quan hệ giữa Đàng Trong và Nhật Bản thời kỳ Châu ấn thuyền với giai đoạn nửa sau thế kỷ XVII, thì đây là thời điểm nền mậu dịch hai bên diễn ra một cách trực tiếp, thay vì gián tiếp thông qua thương nhân Hà Lan, và chủ yếu là Trung Quốc (giai đoạn 1637 - 1700). Chính vì thế, giai đoạn đầu có tính chất đặt nền móng, là bệ phóng cho hợp tác Việt - Nhật trong các thập niên sau đó. Đàng Trong đã tương đối thành công trong việc tận dụng thương nhân Châu ấn thuyền nhằm thiết lập quan hệ ngoại giao với Mạc Phủ Tokugawa, qua đó, thu được những lợi thế đáng kể trong quan hệ thương mại cũng như hợp tác về quân sự và ngoại giao từ chính quyền Đàng Ngoài. Dưới góc nhìn khu vực, trong bối cảnh ảnh hưởng của Trung Quốc đến các

quốc gia khu vực bị suy giảm trong thế kỷ XVI, sự nổi lên của Nhật Bản đầu thế kỷ XVII như một thế lực chính trị và thương mại ở khu vực Đông Á hiển nhiên đã có những tác động quan trọng lên sự phát triển của các chính thể trong khu vực nói chung, Đàng Trong và Đàng Ngoài của Đại Việt nói riêng. Do đó, không hề cường điệu khi cho rằng phía sau những chuyển biến kinh tế - xã hội ngoạn mục ở Đàng Trong thế kỷ XVII có bóng dáng của “nhân tố Nhật Bản” bên cạnh ảnh hưởng hằng xuyên của Trung Quốc trong suốt thời kỳ tiền cận đại. Riêng với nửa cuối thế kỷ XVII, Hoa thương chứ không phải ai khác là nhân tố cơ yếu trong việc duy trì, kết nối mối giao thương Việt - Nhật.

Từ năm 1637⁴ trở đi, kỷ nguyên Châu ấn thuyền kết thúc, Nhật bắt đầu thắt chặt chính sách tỏa quốc trong quan hệ với các nước phương Tây, chỉ duy trì buôn bán với một số quốc gia trong khu vực như Trung Quốc, Triều Tiên... và Hà Lan. Chính sách sakoku (tỏa quốc) từ năm 1639⁵ đã tác động sâu sắc đến hoạt động giao thương giữa Đàng Trong và Nhật Bản. Do vậy, từ nửa cuối thế kỷ XVII, việc buôn bán giữa Nhật Bản với Đàng Trong được thực hiện gián tiếp thông qua thương nhân Hà Lan và Trung Quốc.

Dù không còn hiệu quả như những thập niên đầu, các chúa Nguyễn muốn củng cố thương mại với các nước để khôi phục kinh tế và đẩy nhanh công cuộc khai phá vùng đất phương Nam nên vẫn duy trì quan hệ với Đàng Ngoài trong nửa sau thế kỷ XVII bằng các nỗ lực ngoại giao với Edo⁶ cũng như khuyến khích thương nhân Nhật ở Nagasaki xuất khẩu tiền đồng đến Hội An vào cuối thập niên 80 của thế kỷ XVI. Cụ thể, vào năm 1688, chúa Nguyễn Phúc Thái (thông qua Hoa thương) đã gửi thư cho Mạc phủ Tokugawa yêu cầu mở lại quan hệ thương mại và mong muốn nhập về nhiều tiền đồng để tăng cường khả năng tài chính⁷.

⁴ Thời kỳ Châu ấn thuyền (Shuinsen) bắt đầu từ năm 1592 và kết thúc năm 1637.

⁵ Sakoku (tỏa quốc), là một chủ trương lớn của chính quyền Mạc phủ Tokugawa nhằm bảo vệ an ninh và xây dựng một nền kinh tế tự chủ của Nhật Bản. Khái niệm này xuất hiện năm 1801 bởi dịch giả Shizuki Tadao. Chính sách tỏa quốc được thực hiện ở Nhật Bản từ năm 1639 đến năm 1853. Theo chính sách này, Nhật Bản đóng cửa với các nước phương Tây, trừ trường hợp Hà Lan và chỉ giao lưu buôn bán hạn chế với một số nước trong khu vực như Trung Quốc, Triều Tiên...

⁶ Là tổng hành dinh của Mạc phủ Tokugawa (1600-1868) và là thủ đô Tokyo ngày nay.

⁷ Nội dung bức thư viết: “Quý quốc và Quốc gia tôi cách xa nhau, không phải là hai nước mà xâm hại nhau. Nghe nói rằng ngày xưa, tuy xa nhau, vẫn có quốc giao, thông qua tình hữu nghị, kết nghĩa anh em thắm thiết... Tôi thầm nghĩ, nước tôi bây giờ cần rất nhiều kinh phí cho lưu thông tiền tệ, nhưng kỹ thuật chế tạo tiền tệ không có nên đành phải gác vấn đề tài chính lại. Tôi nghe rằng, ở Quý quốc sản xuất đồng tốt, và chế tạo tùy theo yêu cầu. Nếu thật như thế, tại sao không chế tạo thật nhiều tiền bằng đồng để cứu những nước nghèo về tiền tệ. Điều mong muốn đối với Quý quốc là Quý quốc làm luật lưu thông tiền tệ ở nước ngoài, và giao dịch

Về chính trị, 5 người Nhật có uy tín và năng lực được chúa Nguyễn bổ nhiệm làm Thị trưởng (Tổng bang trưởng) của Hội An trong thời gian khá dài. Đó là các ông Dimigo (từ 1633 - 1636), ông Hayashi Kiemon (từ 1637), cha con ông Shimoda Uhei và Shiomura Tahei (1637 - 1668) và ông Kadoya Shi Irobei (từ 1688). Sau năm 1639, nhiều thương nhân Nhật ở lại luôn ở Hội An và lấy vợ Việt Nam để sinh cơ lập nghiệp. Nếu lúc cực thịnh đầu thế kỷ XVII, khu phố Nhật ở Hội An có tới 100 nóc nhà, 1.000 nhân khẩu, thì đến 1651 có khoảng 60 nhà Nhật, đến năm 1659 chỉ còn 4 - 5 gia đình. Cùng với biến động ở các nước Đông Nam Á, cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII thế lực của người Nhật ở Hội An suy vi, nhường chỗ cho ưu thế của người Trung Quốc. Tuy buôn bán và liên lạc giữa người Nhật ở Hội An không còn nhộn nhịp như trước, song người Nhật ở Hội An vẫn giữ được sự quý trọng, mến mộ của người Việt từ Đàng Trong [4, tr.178].

3. KẾT LUẬN

Chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong được hình thành từ sự ly khai nhà Lê - Trịnh còn mang tính sơ khai. Do đó, chúa Nguyễn cần tăng cường sức mạnh để không chỉ có thể đương đầu với chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, mà còn phát triển nội lực của mình và mở rộng lãnh thổ về phương Nam. Các chúa Nguyễn đã có chính sách thoáng đạt trong việc phát triển ngoại thương, có tầm nhìn hướng biển. Từ chính sách đó, việc quan hệ với Trung Quốc và Nhật Bản giai đoạn này của chúa Nguyễn chủ đạo là mang yếu tố kinh tế, chứ chưa đặt nặng vấn đề ngoại giao. Các hoạt động giao thương mà thương nhân người Hoa và người Nhật đóng vai trò quan trọng phần nào đó đã giúp cho chúa Nguyễn xây dựng Đàng Trong phồn thịnh, đủ sức đương cự với chúa Trịnh và hoàn thành công cuộc mở rộng lãnh thổ về phương Nam năm 1757. Bên cạnh đó, việc sử dụng nhân lực người Hoa cũng giúp chúa Nguyễn không ít trong việc khai phá đất Nam Bộ.

Trong nhận thức và hành động của chúa Nguyễn với Trung Quốc và Nhật Bản có nhiều điểm khác nhau. Về nhận thức, với trường hợp Nhật Bản, chúa Nguyễn coi đây là mối quan hệ bình đẳng giữa hai chủ thể ngoại giao. Bằng sự khéo léo trong giao hảo, thông qua thư từ trao đổi, Nhật Bản đã thừa nhận chính thể Đàng Trong của các chúa Nguyễn. Do vậy, trong quan hệ với Nhật Bản, chúa Nguyễn được sự ủng hộ của chính quyền Mạc phủ Tokugawa và cũng tạo những điều kiện tốt nhất cho quan hệ thương mại giữa hai bên có điều kiện phát triển. Tiếc rằng, mối quan hệ này không kéo dài được lâu do chính sách sakoku từ năm 1639 của Nhật Bản đã làm ngưng trệ giao

với nước tôi và hai quốc gia cùng được lợi. Nếu được như thế, lưỡng tiện sẽ thông qua tình hữu nghị, xây đắp tín nghĩa, hai quốc gia trở thành một mái gia đình. Đây là điều thật tuyệt vời". Dẫn theo Kawamoto Kuniye (1991), *Nhận thức quốc tế của chúa Nguyễn ở Quảng Nam căn cứ theo Ngoại phiên thông thư*, Đô thị cổ Hội An, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.177.

thương trực tiếp giữa hai bên. Với Trung Quốc, Đàng Trong nhận thức rõ đó là quan hệ giữa nước lớn với nước nhỏ, giữa “thiên triều” và “chư hầu”, nên chúa Nguyễn luôn mong muốn có được sự thừa nhận về tính chính danh của chính quyền mình như là một chính thể độc lập với Đàng Ngoài, nhưng điều này đã không thành công. Tuy vậy, chúa Nguyễn vẫn thể hiện sự độc lập của mình và ứng xử khéo léo trong các sự việc có liên quan đến người nhà Thanh, tránh mất lòng nước lớn. Đặc biệt, trong chính sách của chúa Nguyễn đối với người Hoa luôn muốn tạo ra sự gắn kết, bảo hộ để họ cư trú lâu dài, phát triển thương mại.

Nhìn chung, các chúa Nguyễn đều có chính sách ngoại giao độc lập trước Trung Quốc và Nhật Bản. Đó là hành động xuất phát từ ý thức dân tộc - quốc gia, khẳng định tính độc lập dân tộc và nhằm bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lê Quý Đôn (2015), *Phủ biên tạp lục*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [2]. Phan Thanh Hải (2006) trong bài "Về những văn thư trao đổi giữa chúa Nguyễn và Nhật Bản, thế kỷ XVI-XVII", *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 4 (57).
- [3]. Phan Thanh Hải (2007), "Văn thư trao đổi giữa chúa Nguyễn và Nhật Bản, thế kỷ XVI-XVII", *Di sản văn hóa Huế - Nghiên cứu và trao đổi*.
- [4]. Nguyễn Văn Hoàn (2016), "Quan hệ thương mại giữa Đại Việt và Nhật Bản – trường hợp cảng thị Hội An thế kỷ XVI-XVII", *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế "Quan hệ Việt – Nhật thời Cận thế"*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.
- [5]. Dương Văn Huy (2007), "Chính sách hướng biển của chính quyền Đàng Trong", *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 8/2007.
- [6]. Nguyễn Huy Khuyển (2011), "Về ba văn bản liên quan đến giao thương giữa triều Lê và Nhật Bản", *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 3/2011.
- [7]. Kawamoto Kuniye (1991), *Nhận thức quốc tế của chúa Nguyễn ở Quảng Nam căn cứ theo Ngoại phiên thông thư*, Đô thị cổ Hội An, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [8]. Nguyễn Tiến Lực, "Vị thế của Nam Bộ trong quan hệ kinh tế - thương mại Việt - Nhật", <http://www.qlkh.hcmussh.edu.vn>.
- [9]. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục (tập 1)*, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia - Viện Sử học, NXB Giáo dục, Hà Nội.

AWARENESS AND ACTIONS OF THE NGUYEN LORDS IN RELATION TO CHINA AND JAPAN IN THE 16TH- 17TH CENTURIES

Tran Thi Tam, Mai Van Duoc

Faculty of History, University of Sciences, Hue University

Email: tamkhoasuhue@gmail.com, maидуochusc@gmail.com

ABSTRACT

In conjunction with building and consolidating the government of Dang Trong beginning in 1558, the Nguyen Lords recognized themselves as a main independent entity. With an eye to the sea, the Nguyen Lords engaged in trade with countries inside and outside the region to strengthen and consolidate the power of the Dang Trong's government. Therefore, foreign trade activities took place very actively for many centuries. Numerous merchants from China, Japan, Portugal, and the Netherlands travelled to engage in trade and establish trading wholesalers. Since then, many international commercial ports, including Hoi An, Thanh Ha, Nuoc Man had been established. This article will examine Dang Trong's relationships with China and Japan as typical examples of the awareness and actions of the Nguyen Lords.

Keywords: China, Japan, the Nguyen Lord....



Trần Thị Tâm sinh ngày 10/8/1983 tại Thanh Hóa. Bà tốt nghiệp cử nhân ngành Lịch sử năm 2006 và thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử thế giới năm 2009 tại trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Bà nhận học vị tiến sĩ năm 2019 tại trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Hiện nay, bà công tác tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Lịch sử thế giới.



Mai Văn Đuộc sinh ngày 20/7/1993 tại Thừa Thiên Huế. Ông tốt nghiệp cử nhân Lịch sử năm 2015 tại Trường Đại học Khoa học, ĐH Huế. Năm 2019, ông nhận học vị Thạc sĩ tại Đại học Khoa học, ĐH Huế. Hiện nay, ông giảng dạy tại Trường Đại học Khoa học, ĐH Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Lịch sử Việt Nam cổ trung đại, làng xã Việt Nam, dòng họ Việt Nam.

